

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
Tuần 18: từ ngày 15/12/2025 đến ngày 21/12/2025

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
K10-DVTY P.E201	Sáng	KTNPTB cho trâu bò (Phượng) 2	KTNPTB cho gia cầm (Hoà) 2	KTNPTB cho trâu bò (Phượng) 2	KTNPTB cho gia cầm (Hoà) 2	KTNPTB cho trâu bò (Phượng) 2
		KTNPTB cho gia cầm (Hoà) 2	KTNPTB cho trâu bò (Phượng) 2	KTNPTB cho gia cầm (Hoà) 2	KTNPTB cho trâu bò (Phượng) 2	KTNPTB cho gia cầm (Hoà) 2
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Duyên)</i> 1	KTNPTN cho chó mèo (Lệ) 2	CD và ĐTH thú y (Vân) 2	Luật thú y (Nga) 2	Quản trị kinh doanh (Hoa) 2
		PP thí nghiệm (Hằng) 3	Quản trị kinh doanh (Hoa) 2	KTNPTN cho chó mèo (Lệ) 2	CD và ĐTH thú y (Vân) 2	Luật thú y (Nga) 2
K11-DVTY P.E303	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Quyên)</i> 1	Quản trị kinh doanh (Hoa) 2	Quản trị kinh doanh (Hoa) 2	KTNPTN cho chó mèo (Lệ) 2	PP thí nghiệm (Phượng) 2
K11-KTDN P.E305	Sáng		Lý thuyết KT (Q.Mai) 2		Anh văn CN (Phiên) 2	Lý thuyết KT (Q.Mai) 2
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Thuý)</i> 1	Anh văn CN (Phiên) 2			
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY						
TT64A1 P.B102	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Bình)</i> 1	Bệnh cây CK (Hương) 2	CBBQ sau thu hoạch (Huyền) 2	Phòng trừ dịch hại (Triệu) 4	Cây rau (Huệ) 2
TT65A1 P.B201	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hương)</i> 1	Khí tượng NN (Lịch) 2	Cây dược liệu (Bình) 2		Khí tượng NN (Lịch) 2
	Chiều	CBBQ sau thu hoạch (Huyền) 3	Khuyến nông (Huệ) 2	Côn trùng đại cương (Hương) 2		Côn trùng đại cương (Hương) 2
TT65A3 P.B102	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Huyền)</i> 1	Côn trùng đại cương (Hương) 2	Khuyến nông (Huệ) 2		Khuyến nông (Huệ) 2
	Chiều	Đất trồng phân bón (Hương) 3				
LN65A	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Lịch)</i> 1	Khuyến nông (Thọ) 2	Khuyến nông (Thọ) 2		Tin học (Thoa) 4
	Chiều	Côn trùng đại cương (Lịch) 3	Sinh lý TV (Huệ) 2	Côn trùng đại cương (Lịch) 2		
Các môn GD chính trị, Pháp luật, GDTC học ghép cùng lớp TT65A1						
CN64A1 P.E203	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hoà)</i> 1	Vườn ươm cây giống (Hùng) 4	QLKT hộ trang trại (Hoa) 2		QLKT hộ trang trại (Hoa) 2
	Chiều	Sinh thái rừng và MT (Tuyết) 3		Đất trồng phân bón (Hương) 2		Đất trồng phân bón (Hương) 2
Các môn Tin học, GD chính trị, Pháp luật, GDTC học ghép cùng lớp TT65A1						
CN64A1 P.E203	Sáng					
	Chiều	KTNPTB cho gà vịt (Hoà) 3	Trồng trọt cơ bản (Huyền) 2	KTNPTN cho chó mèo (Lệ) 2	KTNPTB cho trâu bò (Vân) 2	Trồng trọt cơ bản (Huyền) 2
			KTNPTN cho chó mèo (Lệ) 2	Trồng trọt cơ bản (Huyền) 2	KTNPTB cho lợn (Hưng) 2	Ký sinh trùng (Phượng) 2

CN65A1 P.B202	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Lê)</i>	1	GD chính trị (Tài)	2	Pháp luật (Huyền)	2	Dược lý thú y (Lê)	2	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng)	2
	Chiều	KTTG (Quyên)	3	Dược lý thú y (Lê)	2	GDTC (Thuý)	2	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng)	2	Dược lý thú y (Lê)	2
CN65A3 P.B203	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (H.Nga)</i>	1	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng)	2	DD thức ăn (Quyên)	2	Dược lý thú y (Duyên)	4	Dược lý thú y (Duyên)	4
	Chiều	GD chính trị (Quế)	3	KTTG (Nga)	2	KTTG (Nga)	2				
CN65A4 P.E304	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Vân)</i>	1	Dược lý thú y (Lê)	2	KTTG (Nga)	2	KTTG (Nga)	2	Dược lý thú y (Lê)	2
	Chiều	Dược lý thú y (Lê)	3	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng)	2	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng)	2	Dược lý thú y (Lê)	2	GD chính trị (Quế)	2
KTDN64A1 P.E202	Sáng										
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Hoa)</i>	1	TH KT trong DNSX (T.Thảo)	4			Kế toán DN2 (P.Thảo)	4	TH KT trong DNSX (T.Thảo)	4
KTDN64A2 P.E204	Sáng										
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Thuý)</i>	1	TH KT trong DNSX (Mai)	4	TH KT trong DNSX (Mai)	4	TH KT trong DNSX (Mai)	4	Thuế (P.Thảo)	4
KTDN65A1 P.B103	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Dung)</i>	1	Lý thuyết KT (Q.Mai)	2	Tiếng anh (Linh)	2	Nguyên lý Thống kê (Hoa)	2	Lý thuyết KT (Q.Mai)	2
	Chiều	Kinh tế vi mô (Thuý)	3	Tiếng anh (Linh)	2	GD chính trị (Quế)	2	GD chính trị (Quế)	2	Nguyên lý Thống kê (Hoa)	2
KTDN65A2 P.B104	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (P.Thảo)</i>	1	Lý thuyết KT (P.Thảo)	2	Nguyên lý thống kê (Hoa)	2	Kinh tế vi mô (Thuý)	2	GD chính trị (Thắm)	2
	Chiều	Nguyên lý thống kê (Hoa)	3	Pháp luật (Huyền)	2	Kỹ năng mềm (Sơn)	2	Kỹ năng mềm (Sơn)	2	Kinh tế vi mô (Thuý)	2
CNTT64A1 P.TH	Sáng										
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Quang)</i>	1	Lập trình Windown (Thảo)	4	QTCSDL với Access (Phương)	4	XDPM Quản lý bán hàng (Hà)	4	Lập trình Windown (Thảo)	4
CNTT64A2 P.TH	Sáng										
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (T.Thảo)</i>	1	HĐH Windows Server (Tâm)	4	XD và QL Website (Quang)	4	Lập trình Windown (Thảo)	4	XDPM Quản lý bán hàng (Hà)	4
CNTT65A1 P.B205	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hà)</i>	1	Tin học VP (Tâm)	4	Kỹ năng mềm (Sơn)	2	Tin học VP (Tâm)	4	Tiếng anh (K.Nhung)	4
	Chiều	Bảng tính Excel (Hà)	3			GD chính trị (Thắm)	2				
CNTT65A2 P.B204	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Phương)</i>	1	Bảng tính Excel (Hà)	4	GD chính trị (Quế)	2	Bảng tính Excel (Hà)	4	GD chính trị (Quế)	2
	Chiều	Tin học VP (Phương)	3			Tiếng anh (Linh)	2			Kỹ năng mềm (Sơn)	2

ĐCN64A1 P.E103	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Tuần)</i> 1 Cung cấp điện (Tuần) 3		Cung cấp điện (Tuần) 4	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp) 4		
ĐCN64A2 P.E104	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Giáp)</i> 1 Trang bị điện (Đ.Đức) 3		KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp) 4	Cung cấp điện (Tuần) 4	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp) 4	
ĐCN64A3 P.E102	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Hoà)</i> 1 KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp) 3		Trang bị điện (Nga) 4	Trang bị điện (Nga) 4	Cung cấp điện (Tuần) 4	
ĐCN 64B	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Huyền)</i> 1 KT máy lạnh và ĐHKK (Huân) 3		KT máy lạnh và ĐHKK (Huân) 4	Trang bị điện (Đ.Đức) 2 Kỹ thuật điện tử (Dương) 2	KT máy lạnh và ĐHKK (Huân) 4	
ĐCN65A1 P.E303	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Đ.Đức)</i> 1 Tiếng anh (Phiên) 3	Vẽ Kỹ thuật điện (P.Anh) 2 Mạch điện (Huyền) 2	Vật liệu điện (N.Đức) 2 Tiếng anh (Phiên) 2	Vật liệu điện (N.Đức) 2 Mạch điện (Huyền)	Mạch điện (Huyền) 2 Tiếng anh (Phiên) 2	
	Chiều						
ĐCN65A2 P.E302	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Tiến)</i> 1 Tiếng anh (T.Nhung) 3	Vẽ kỹ thuật (N.Đức) 4	Vẽ kỹ thuật (N.Đức) 2 Pháp luật (Huyền) 2	An toàn điện (Hoà) 4	Tiếng anh (T.Nhung) 4	
	Chiều						
ĐCN65B1	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Huân)</i> 1 Vẽ KT điện (N.Đức) 3	Tin học (Quang) 4	An toàn điện (Hoà) 4	Tin học (Quang) 4	Mạch điện (Dương) 4	
	Chiều						
ĐCN65B2 P.E301	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Dương)</i> 1 Mạch điện (H.Anh) 3	Tiếng anh (Linh) 2 Vẽ Kỹ thuật điện (P.Anh) 2	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4	Tiếng anh (Linh) 2 Vẽ Kỹ thuật điện (N.Đức) 2	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4	
	Chiều				Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4		
ĐCN65B3 P.E101	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Nga)</i> 1 Giáo dục QP - AN (Mạnh) 3	Mạch điện (Huyền) 2 Tiếng anh (K.Nhung) 2	Pháp luật (Huyền) 2 Vẽ Kỹ thuật điện (P.Anh) 2	Mạch điện (Huyền) 2 Pháp luật (Huyền) 2	Khí cụ điện (Nga) 2 Mạch điện (Huyền) 2	
	Chiều						
TL65	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (N.Đức)</i> 1 TL cơ sở (Huyền) 3	Tin học (Quang) 4	TL cơ sở (Huyền) 4	Tin học (Quang) 4	Vật liệu (N.Đức) 4	
	Chiều						
KTDN64B	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Mai)</i> 1 THKT trong DNSX (Mai) 3	Kế toán DN2 (Dung) 4	Thuế (T.Thảo) 4	Thuế (T.Thảo) 4	THKT trong DNSX (Mai) 4	

KTDN65B	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (T.Thảo)</i> 1 Nguyên lý thống kê (Mai) 3	Tin học (Quang) 4	Kinh tế vi mô (Thúy) 4	Tin học (Quang) 4	Kỹ năng mềm (Dung) 4
	Chiều					
CBBQ64	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Liên)</i> 1 Phụ gia TP (Liên) 3	Phụ gia TP (Liên) 3	Kỹ thuật điện (Năm) 3	Phụ gia TP (Liên) 3	Kỹ thuật điện (Năm) 3
CBBQ65	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Liên)</i> 1 KT lạnh cơ sở (Năm) 3	Tin học (Quang) 4	An toàn lao động (Liên) 3	Tin học (Quang) 4	An toàn lao động (Liên) 3
	Chiều					
KTMTT64	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Năm)</i> 1 BD, SCTB trên boong (Trung) 3	Khai thác nồi hơi TT (Đồng) 3	BD, SC thiết bị trên boong (Trung) 3	Khai thác nồi hơi TT (Đồng) 3	BD, SC thiết bị trên boong (Trung) 3
KTMTT65	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Năm)</i> 1 Lý thuyết tàu (Trung) 3	Tin học (Quang) 4	Lý thuyết tàu (Trung) 4	Tin học (Quang) 4	Dung sai và KT đo (Đồng) 4
	Chiều					
NTTS64	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Liên)</i> 1 SX giống tôm thẻ chân trắng (Ái) 3	Vận chuyển ĐVTS (Năm) 4	Nuôi cua thương phẩm (Ánh) 4	Vận chuyển ĐVTS (Năm) 4	Nuôi cua thương phẩm (Ánh) 4
ĐKTB65	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Ánh)</i> 1 Lý thuyết tàu (Trung) 4	Tin học (Quang) 4	Lý thuyết tàu (Trung) 4	Tin học (Quang) 4	An toàn LĐ hàng hải (Ánh) 4
	Chiều					

CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN

THỨ LỚP		Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật
TT64A2	Sáng		<i>Sinh hoạt lớp (Lịch)</i> 1 Phòng trừ dịch hại (Lịch) 4	Bệnh cây chuyên khoa (Hương) 4
	Chiều		CBBQ sau thu hoạch (Huyền) 4	Cây rau (Huệ) 4
TT64A3 TT65A2 P.B204	Sáng		<i>Sinh hoạt lớp (Huệ)</i> 1 Khuyến nông (Thọ) 4	Thủy nông (Lịch) 4
	Chiều	Cây lương thực (Bình) 4	Khuyến nông (Thọ) 4	Thủy nông (Lịch) 4
CN64A2 CN65A2 P.B205	Sáng		<i>Sinh hoạt lớp (Phượng)</i> 1 VSV và bệnh TN (Phượng) 4	KTNPTB cho lợn (Hưng) 4
	Chiều	Khuyến nông (Triệu) 4	Dược lý thú y (Duyên) 4	KTNPTB cho gà vịt (Quyên) 4

K9-ĐCN	Sáng	Sinh hoạt lớp (Đ.Đức)	1	Cơ kỹ thuật (Dương)	4
		Máy biến áp (Đ.Đức)	4		
	Chiều	Máy biến áp (Đ.Đức)	4	Cơ kỹ thuật (Dương)	4

KT. HIỆU TRƯỞNG
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Văn Lưu

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Từ ngày 15/12/2025 đến ngày 21/12/2025

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
VH63B1	Sáng	HĐTN (Nhưng) 1 Toán (Nhưng) 3	Ngữ văn (Hằng) 2 Hoá học (Doan) 2	CD Địa lý (Thuý) 2 GDKT và PL (Đ. Thuý) 2	Lịch sử (Hà) 2 CD Ngữ văn (Hằng) 2	
	Chiều	Lịch sử (Hà) 4	CD Địa lý (Thuý) 4	Ngữ văn (Hằng) 4	GDKT và PL (Đ. Thuý) 4	Toán (Nhưng) 4
VH63B3 P.B302	Sáng	HĐTN (Hà) 1 Hoá học (Hà) 3	Lịch sử (Dự) 2 CD Địa lý (Phượng) 2	CD Lịch sử (Dự) 2 Sinh học (Phượng) 2	Toán (Lan Anh) 4	CD Ngữ văn (Hằng) 2 Ngữ văn (Hằng) 2
	Chiều		Ngữ văn (Hằng) 4	Lịch sử (Dự) 4	GDKT và PL (Quế) 2 CD Địa lý (Phượng) 2	GDKT và PL (Quế) 4
VH63B4 P.B303	Sáng	HĐTN (Dự) 1 Lịch sử (Dự) 3	Toán (Nhưng) 2 Địa lý (Lực) 2	Toán (Nhưng) 2 CD Ngữ văn (H.Hà) 2	Địa lý (Lực) 2 Sinh học (Phượng) 2	GDKT và PL (Quyên) 2 Sinh học (Phượng) 2
	Chiều		Toán (Nhưng) 4	Ngữ văn (H.Hà) 4	Lịch sử (Dự) 4	GDKT và PL (Quyên) 4
VH63B6 P.B304	Sáng	HĐTN (Hoà) 1 Ngữ văn (Hường) 3	Địa lý (Lực) 2 GDKT và PL (Tài) 2	GDKT và PL (Tài) 4	Vật lý (Hoà) 2 CD Địa lý (Lực) 2	CD Lịch sử (Lý) 2 Toán (Nhưng) 2
	Chiều	Toán (Nhưng) 4	Lịch sử (Lý) 4	Ngữ văn (Hường) 4	Hoá học (Vân) 2	
VH63B7 P.B305	Sáng	HĐTN (Nga) 1 Địa lý (Ngọc) 3	Toán (Quý) 2 Hoá học (Vân) 2	Vật lý (Hoà) 2 Hoá học (Vân) 2	GDKT và PL (Nga) 2 CD Ngữ văn (H.Hà) 2	Ngữ văn (H.Hà) 2 CD Lịch sử (Lý) 2
	Chiều	Ngữ văn (H.Hà) 4	GDKT và PL (Nga) 4		Toán (Quý) 4	
VH63B8 P.B301	Sáng	HĐTN (K.Nhung) 1 Địa lý (Lực) 3	Ngữ văn (Hường) 2 Vật lý (Hoà) 2	GDKT và PL (Quyên) 2 CD Lịch sử (Dự) 2	CD Lịch sử (Dự) 2 CD Ngữ văn (Hường) 2	Địa lý (Lực) 2 Toán (Quý) 2
	Chiều	Lịch sử (Dự) 4	GDKT và PL (Quyên) 4		Ngữ văn (Hường) 4	Toán (Quý) 4

VH64B1	Sáng	HĐTN (Hằng) CĐ Địa lý (Thuý)	1 3	Hoá học (Doan) CĐ Ngữ văn (Hằng)	2 2	Ngữ văn (Hằng) CĐ Địa lý (Thuý)	2 2	CĐ Ngữ văn (Hằng) Toán (Nhưng)	2 2	Vật lý (Sơn)	4
VH64B3 P.B306	Sáng	HĐTN (Vân) Hoá học (Vân)	1 3	Vật lý (Hoà) Ngữ văn (Hường)	2 2	Toán (Dương) CĐ Ngữ văn (Hường)	2 2	CĐ Địa lý (Thuý)	4	Hoá học (Vân) Vật lý (Hoà)	2 2
VH64B4 P.E201	Sáng	HĐTN (H.Nga) Vật lý (Trung)	1 3	GDKT và PL (Thắm) Toán (Nhưng)	2 2	CĐ Ngữ văn (Hà)	4	GDKT và PL (Thắm) CĐ Địa lý (Nga)	2 2	Toán (Nhưng) CĐ GDKT và PL (Thắm)	2 2
VH64B5 P.E202	Sáng	HĐTN (Dương) Vật lý (Hoà)	1 3	Ngữ văn (Chi)	4	Địa lý (Lực) GDKT và PL (Quyên)	2 2	CĐ Ngữ văn (Chi)	4	Vật lý (Hoà) Hoá học (Hà)	2 2
VH64B6 P. E204	Sáng	HĐTN (H. Hà) Hoá học (Hà)	1 3	Sinh học (Phượng) CĐ Ngữ văn (H.Hà)	4	Ngữ văn (H.Hà) Toán (Quý)	2 2	Sinh học (Phượng) CĐ Lịch sử (Hằng)	2 2	Toán (Quý) CĐ Ngữ văn (H.Hà)	2 2
VH64B8 P.E203	Sáng	HĐTN (Phiên) Ngữ văn (Lý)	1 3	Hoá học (Vân) Sinh học (Phượng)	2 2	Hoá học (Vân) Địa lý (Lực)	2 2			CĐ Lịch sử (Dự) CĐ Địa lý (Lực)	2 2
VH65B1	Chiều	HĐTN (Thuý) Vật lý (Sơn)	1 3	Toán (Hương) CĐ GDKT và PL (Thuý)	2 2	GDKT và PL (Thuý) Toán (Hương)	2 2	Ngữ văn (Hằng)	4	Lịch sử (Hà) CĐ Lịch sử (Hà)	2 2
VH65B2 P.E302	Chiều	HĐTN (Quyên) GDKT và PL (Quyên) CĐ GDKT và PL (Quyên)	1 1 2	Toán (Dương) CĐ Ngữ văn (H.Hà)	2 2	Địa lý (Thuý) CĐ GDKT và PL (Quyên)	2 2	CĐ Ngữ văn (H.Hà) Hóa học (Hà)	2 2	Ngữ văn (H.Hà) Hóa học (Hà)	2 2
VH65B3 P.E301	Chiều	HĐTN (Quý) Vật lý (Trung)	1 3	CĐ GDKT và PL (Thắm) CĐ Lịch sử (Dự)	2 2	Toán (Quý) GDKT và PL (Thắm)	2 2			CĐ GDKT và PL (Thắm) Hoá học (Vân)	2 2
VH65B4 P.E101	Chiều	HĐTN (Mạnh) Ngữ văn (Chi) CĐ Ngữ văn (Chi)	1 2 2	Địa lý (Lực) Toán (Quý)	2 2	Vật lý (Trung) GDKT và PL (Nga)	2 2	Địa lý (Lực) Hoá học (Vân)	2 2	CĐ lịch sử (Hằng) CĐ Ngữ văn (Chi)	2 2
VH65B5 P.B205	Chiều	HĐTN (Lực) Toán (Dương)	1 3	Sinh học (Phượng) CĐ Ngữ văn (Hà)	2 2	CĐ GDKT và PL (Nga) Địa lý (Lực)	2 2	CĐ Lịch sử (Hằng) CĐ Ngữ văn (Hà)	2 2	GDKT và PL (Nga) Vật lý (Hoà)	2 2

VH65B6 P.B204	Chiều	HĐTN (Linh)	1	CĐ Ngữ văn (Chi)	2	CĐ Ngữ văn (Chi)	2	Vật lý (Trung)	2	GDKT và PL (Thắm)	2
		Sinh học (Phượng)	3	Toán (L.Anh)	2	Toán (L.Anh)	2	CĐ Lịch sử (Hằng)	2	CĐ lịch sử (Hằng)	2
VH65B7 P.B104	Chiều	HĐTN (Phượng)	1	Toán (L.Anh)	2	Địa lý (Phượng)	2	Toán (L.Anh)	4		
		Ngữ văn (Lý)	3	CĐ Địa lý (Phượng)	2	Sinh học (Phượng)	2				
VH65B8 P.B202	Chiều	HĐTN (Hường)	1	CĐ Ngữ văn (Hường)	4	Toán (L.Anh)	2	CĐ GDKT và PL (Quyên)	2	Toán (L.Anh)	4
		Ngữ văn (Hường)	2			Hoá học (Hà)	2	CĐ Địa lý (Lực)	2		
		CĐ Ngữ văn (Hường)	1								
VH65B9 P.B203	Chiều	HĐTN (Hồng)	1	Ngữ văn (Chi)	2	Hoá học (Hà)	2	CĐ Địa lý (Phượng)	2	CĐ Ngữ văn (Chi)	2
		GDKT và PL (Thắm)	2	GDKT và PL (Thắm)	2	Ngữ văn (Chi)	2	GDKT và PL (Thắm)	2	CĐ Địa lý (Phượng)	2
		CĐ GDKT và PL (Thắm)	1								
VH65B10 P.B103	Chiều	HĐTN (Thắm)	1			GDKT và PL (Thắm)	2	Toán (Dương)	2		
		Sinh học (Hồng)	3			CĐ Địa lý (Thuý)	2	Sinh học (Hồng)	2		
VH65B11 P.B201	Sáng							Hoá học (Vân)	2		
	Chiều							Toán (Dương)			
		HĐTN (Quế)	1	Ngữ văn (Hà)	2	Sinh học (Hồng)	2	Ngữ văn (Hà)	2	Hoá học (Vân)	2
		GDKT và PL (Quế)	3	Toán (Dương)	2	Địa lý (Nga)	2	Địa lý (Nga)	2	CĐ Địa lý (Nga)	2

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BAN NHÂN SỰ
TRƯỜNG
CAO ĐẲNG
NÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

Đoàn Văn Lưu